TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2025
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Trần Trọng Khuyến
2.Ông Huỳnh Văn Đương
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân,Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, vụ án thụ lý số 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Bé N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm I, thị Trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chổ ở hiện nay: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lâm Kim L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm I, thị Trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Thị Bé N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Năm 2001 chị Bé N và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân do mai mối, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì sống chung nhà cha mẹ chồng, chị làm dâu. Thời gian chung sống cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu mẫu là do anh L không lo làm kinh tế mà thường xuyên đi chơi, đi uống rượu bia, từ đó mà vợ chồng cải vả nhau, chồng đuổi chị nhiều lần, cho đến năm 2015 thì vợ chồng ly thân, chị về nhà cha mẹ ruột sống. Thời gian ly thân vợ chồng có gặp

nhau nhưng không bàn bạc việc đoàn tụ, anh L vẫn không sửa chữa, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Sống chung không còn hạnh phúc. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có hai đứa con chung tên Lâm Thị Phượng U, sinh ngày 09/9/2004, và Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014.

Hiện tại con gái đã thành niên tự lao động nuôi sống bản thân, chị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Con trai Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014 thì sống chung với anh L từ năm 2018 cho đến nay, nên nay chị N để cháu B cho anh L tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Kim L HuỳnhHuy2nhHuýn bbbbbtrình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và Bé Năm cưới nhau năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thì có nhiều mâu thuẫn , anh và chị N hay cải vã nhau, chị N bỏ đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nên vợ chồng ly thân nhau. Nay chị N xin ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung là Lâm Thị Phượng U, sinh ngày 09/9/2004 đã thành niên anh L không yêu cầu Toà án giải quyết, Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014. Hiện tại anh đang nuôi Lâm Hoàng Gia B nên anh yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014 có nguyện vọng sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị Bé N giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bị đơn anh L xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Hồ Thị Bé N và anh Lâm Kim L là vợ chồng.Về con chung Lâm Thị Phượng U, sinh ngày 09/9/2004 đã thành niên anh L, chị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét, Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014 anh L đang nuôi nên để anh L tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.Về tài sản chung, nợ chung chị N và anh L không yêu cầu nên không xét. Về án phí chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Bé N và anh L là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà

Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lâm Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Bé N và anh L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị N và anh L là không có giá trị pháp lý.

Nhận thấy, chị Bé N và anh L sống chung với nhau từ năm 2001 cho đến khi phát sinh mâu thuẫn, nhưng trong thời gian chung sống chị Bé N và anh L có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Bé N và anh L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Lâm Thị Phượng U, sinh ngày 09/9/2004 đã thành niên, Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014 anh L đang nuôi và Lâm Hoàng Gia B có yêu cầu được sống chung anh L. Phía anh L có yêu cầu được nuôi, chị Bé N đồng ý để anh L tiếp tục nuôi con chung nên giao con cho anh L nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh L và chị Bé N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Bé N và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bé N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9;14; 53; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị Bé N và anh Lâm Kim L là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Hồ Thị Bé N và anh Lâm Kim L có hai con chung là Lâm Thị Phượng U, sinh ngày 09/9/2004 đã thành niên và Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014. Giao Lâm Hoàng Gia B, sinh ngày 30/3/2014 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi đưỡng.

Chị Bé N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bé N và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bé N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hồ Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011627 ngày 03/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Bé N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh